

Bản án số: 183/2017/HS-ST
Ngày 31 - 10 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thiện Lợi

Bà Lê Thị Sinh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái – Kiểm sát viên

Ngày 31/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2017/TLST-HS ngày 16/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2017/QĐXXST-HS ngày 19/10/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N (đã chết) và bà Bùi Thị S; có chồng và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2017 đến ngày 16/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1965; vắng mặt

Trú tại: Thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Văn M, sinh năm 1979; vắng mặt

Trú tại: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình

3. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989; vắng mặt

Trú tại: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1962; vắng mặt

Trú tại: Phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/8/2017, Hoàng Thị T, sinh năm 1989, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến quán cà phê Bùi Hồng P có địa chỉ ở đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình do Bùi Thị L là chủ quán xin làm nhân viên, công việc chính là quét dọn, pha đồ uống giải khát cho khách. T và L còn thỏa thuận nếu có khách đến mua dâm thì L sẽ thỏa thuận với khách về giá tiền, sau khi T và khách quan hệ mua bán dâm tại quán của L, thì L sẽ trả cho T một nửa số tiền thu của khách, L được hưởng một nửa.

Khoảng 22 giờ ngày 09/8/2017 có Phạm Văn M, sinh năm 1979, trú tại thôn P, xã V, thành phố T cùng với Nguyễn Văn D, sinh năm 1965, trú tại thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Thái Bình đến quán cà phê của L. Phạm Văn M hỏi L quán có em út gì không, L hiểu là hỏi mua dâm nên trả lời quán chỉ có một nhân viên, giá mỗi lần đi khách (mua bán dâm) là 300.000 đồng. Phạm Văn M đồng ý và lấy 600.000 đồng đưa cho L để M và D mua dâm. L nhận tiền và nói với Hoàng Thị T (lúc này T đang ngồi cùng bàn uống nước với L) vào buồng ngủ ở tầng 1. T hiểu là vào bán dâm cho khách nên đi vào phòng ngủ ở tầng 1, D vào theo. T tự lấy 01 bao cao su nhãn hiệu VIP (do T chuẩn bị trước) dùng để quan hệ tình dục với D. Khi cả hai quan hệ tình dục xong, T đã ném bao cao su và vỏ bao cao su đã sử dụng vào trong thùng rác ở trong phòng và cùng D đi ra khu vực quây lể tân. L nói với T vào phòng ở tầng một tiếp tục bán dâm cho M. Khi T và M vào phòng ngủ ở tầng 1, T cũng tự lấy 01 bao cao su nhãn hiệu VIP (do T chuẩn bị trước) dùng để quan hệ tình dục với M. Khi M và T đang quan hệ tình dục với nhau thì bị lực lượng cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP trong thùng rác gần khu vệ sinh trong phòng và 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP màu bạc dưới gầm giường trong phòng ở tầng 1 của quán (là bao cao su T và M sử dụng). L đã tự giác giao nộp 600.000 đồng và khai nhận là số tiền M trả cho L để M và D mua dâm tại quán của L, ngoài ra không quản lý, thu giữ tài sản, đồ vật gì khác.

Bản cáo trạng số 187/KSĐT ngày 16/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Bùi Thị L về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Bùi Thị L về tội “Chứa mại dâm”

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 254, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt bị cáo L 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000 đồng của bị cáo L;
- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP trong thùng rác gần khu vệ sinh trong phòng và 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP màu bạc dưới gầm giường trong phòng ở tầng 1 của quán.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 22 giờ ngày 09/8/2017, Bùi Thị L đã có hành vi nhận 600.000 đồng của Phạm Văn M để Hoàng Thị T bán dâm cho Phạm Văn M và Nguyễn Văn D tại quán cà phê Bùi Hồng P ở đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình đã bị Công an thành phố Thái Bình phát hiện, bắt quả tang.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Văn M, Nguyễn Văn D, Hoàng Thị T.

Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 23 giờ ngày 09/8/2017;

- Biên bản quản lý đồ vật tài liệu;

- Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng;

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo L có đủ các yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” quy định tại Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 tội “Chứa mại dâm quy định:

1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm”.

Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 tội “Chứa mại dâm quy định:

1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về hình phạt đối với tội “Chứa mại dâm” đã giảm so với Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ Điểm b, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo L.

Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định này.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chứa mại dâm đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, xâm hại sức khỏe con người và là nguyên nhân làm lây truyền các bệnh dịch, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS. Bị cáo nhận thức được hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục nhưng do hám lời mà cố ý vi phạm. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

* Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo L số tiền 600.000 đồng bị cáo thu của người mua dâm là số tiền do phạm tội mà có, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Cơ quan Công an thu giữ thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP trong thùng rác gần khu vệ sinh trong phòng và 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP màu bạc dưới gầm giường trong phòng ở tầng 1 của quán là bao cao su T và M sử dụng, căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003 cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 254, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố: Bùi Thị L phạm tội “Chứa mại dâm”. Phạt bị cáo L 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/10/2017.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP trong thùng rác gần khu vệ sinh trong phòng và 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP màu bạc dưới gầm giường trong phòng ở tầng 1 của quán.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 16/10/2017).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng